

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
của **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Kèm theo

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN



MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Tổng giám đốc	02-04
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	05-06
3. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	07-10
Báo cáo kết quả hoạt động	11
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	12
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	13-31

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings (dưới đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

1. Thông tin chung

Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings (tên cũ là Công ty Cổ phần Đầu tư VN Benchmark) là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0105824156 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 19/03/2012, thay đổi lần 6 vào ngày 22/12/2016.

Vốn điều lệ của Công ty là 313.010.600.000 VND (Ba trăm mười ba tỷ không trăm mười triệu sáu trăm nghìn đồng).

Công ty có công ty liên kết sau:

Tên công ty	Số vốn thực góp (VND)	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax	284.000.000.000	34%

2. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng Quản trị của Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các thành viên như sau:

Họ tên	Chức danh	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thanh Huyền	Chủ tịch HĐQT	26/03/2016	01/01/2017
Ông Nguyễn Ngọc Thùy	Chủ tịch HĐQT	03/01/2017	
Bà Vũ Cẩm La Hương	Thành viên HĐQT	01/01/2017	
Ông Trần Thanh Hải	Thành viên HĐQT	26/03/2016	
Ông Nguyễn Mạnh Phú	Thành viên HĐQT	01/01/2017	
Ông Nguyễn Ngọc Khánh	Thành viên HĐQT	01/01/2017	
Bà Nguyễn Thị Dung	Thành viên HĐQT	01/01/2017	
Ông Nguyễn Trọng Quỳnh	Thành viên HĐQT	01/01/2017	
Bà Hoàng Thị Tuyết Nhung	Thành viên HĐQT	26/03/2016	01/01/2017
Ông Vũ Đông Hải	Thành viên HĐQT	30/03/2015	26/03/2016

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

Các thành viên của Ban Tổng giám đốc Công ty đã điều hành hoạt động của Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các thành viên như sau:

Họ tên	Chức danh	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Vũ Đông Hải	Tổng Giám đốc	30/02/2012	27/03/2016
Bà Vũ Cẩm La Hương	Tổng Giám đốc	27/03/2016	
Ông Trần Thanh Hải	Phó Tổng giám đốc	30/02/2012	
Ông Nguyễn Tiến Dương	Kế toán trưởng	30/02/2012	03/01/2017
Ông Nguyễn Mạnh Phú	Kế toán trưởng	03/01/2017	

Các thành viên của Ban Kiểm soát Công ty trong suốt năm tài chính và đến ngày lập báo cáo này bao gồm các thành viên như sau:

Họ tên	Chức danh	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Hải	Trưởng Ban kiểm soát	22/12/2015	01/01/2017
Ông Đào Công Quỳnh	Thành viên	22/12/2015	01/01/2017
Ông Nguyễn Như Mạnh	Thành viên	22/12/2015	01/01/2017
Bà Phạm Thị Thanh Thọ	Trưởng ban kiểm soát	03/01/2017	
Bà Đỗ Thị Nhâm	Thành viên	01/01/2017	
Bà Kiều Thị Ngoan	Thành viên	01/01/2017	

3. Trụ sở

Trụ sở chính của Công ty tại: HL4 - 11, Khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, Hà Nội, Việt Nam.

Văn phòng giao dịch: Tầng 4, tòa tháp A, tòa nhà Sky City, Số 88 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam.

4. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Chi tiết tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm.

5. Các khoản bất thường và sự kiện phát sinh sau niên độ

Ngày 23/02/2017, ông Trần Thanh Hải (chồng bà Vũ Cẩm La Hương) đã chuyển trả lại số tiền 40.000.000.000 VND (Bốn mươi tỷ đồng) mà Công ty đã ứng trước để mua tài sản theo Hợp đồng mua bán số 01/TTMB/IBC-KL4.11/2016 ngày 21/04/2016 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư VN Benchmark (tên cũ của Apex Holdings) với gia đình ông Trần Thanh Hải và bà Vũ Cẩm La Hương về mua biệt thự 11, đường Hoa Lan 4 (HL4-11), khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, Hà Nội và Hợp đồng mua bán số 29-12/2015/HĐMB/VNBC ngày 29/12/2015 với bà Vũ Cẩm La Hương về mua Lô đất biệt thự số N-08 BT.13 tại dự án SUNNY GARDEN CITY Lô đất N1+N3, KĐT Quốc Oai, Hà Nội. Cùng ngày, hai bên cũng đã tiến hành thanh lý các hợp đồng và phụ lục hợp đồng liên quan nêu trên.

6. Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PKF Việt Nam đã được chỉ định là kiểm toán viên thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

7. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính và đảm bảo Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty. Để lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng giám đốc Công ty được yêu cầu:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp.

Ban Tổng giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính và nhận thấy không có vấn đề bất thường xảy ra có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của doanh nghiệp.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo số kế toán được ghi chép đầy đủ, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và đảm bảo Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho các tài sản và đã thực hiện các biện pháp phù hợp để ngăn ngừa và phát hiện sai sót và các trường hợp vi phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được lập theo đúng các yêu cầu nêu trên.

Ngoài ra, Ban Tổng giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

8. Ý kiến của Ban Tổng giám đốc

Theo ý kiến của Ban Tổng giám đốc Công ty, Báo cáo tài chính đã được kiểm toán (đính kèm) đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày và được lập phù hợp các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2017

Thay mặt Ban Tổng giám đốc



Vũ Cẩm La Hương

Tổng giám đốc

Số: 06/2017/BCKT/PKF-VPHN

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2017

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016
của Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings**

Chúng tôi, Công ty TNHH PKF Việt Nam đã thực hiện công việc kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings được lập ngày 24 tháng 02 năm 2017 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được trình bày từ trang 07 đến trang 31 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Apax Holdings tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã thuyết minh tại phần VIII.1 của Bản thuyết minh Báo cáo tài chính, trong năm, Công ty đã thực hiện phát hành cổ phiếu cho cổ đông chiến lược là Công ty Cổ phần Tập đoàn Giáo dục Egroup để mua 4.000.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Anh ngữ Apax với số tiền 284.000.000.000 VND (Hai trăm tám mươi tư tỷ đồng), tương đương 71.000 VND/cổ phiếu. Vấn đề này không ảnh hưởng đến ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần của chúng tôi.

Đại diện cho Công ty TNHH PKF Việt Nam



Dương Thị Thảo

Phó Tổng giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0162-2015-242-1

Nguyễn Thị Huế

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2493-2015-242-1

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS

HL4 - 11, Khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Mẫu số B01 - DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		42.692.196.242	55.344.091.689
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	2.225.444.575	30.694.690.503
1. Tiền	111		2.225.444.575	30.694.690.503
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	-	21.403.700.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	21.403.700.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		40.466.751.667	3.240.122.324
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		-	-
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	40.000.000.000	2.856.922.324
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	-	316.000.000
6. Các khoản phải thu khác	136	V.5	466.751.667	67.200.000
7. Dự phòng phải thu khó đòi (*)	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
1. Hàng tồn kho	141		-	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	5.578.862
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	5.578.862
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán trái phiếu chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		284.886.927.645	9.700.000.000
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS

HL4 - 11, Khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Mẫu số B 01 - DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
II. Tài sản cố định	220		-	-
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	-	-
- Nguyên giá	222		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		-	-
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	284.853.700.000	9.700.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	9.700.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		284.000.000.000	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		853.700.000	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (dài hạn)	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		33.227.645	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6	33.227.645	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		327.579.123.887	65.044.091.689

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS

HL4 - 11, Khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Mẫu số B 01 - DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		3.002.518.673	2.332.366.818
I. Nợ ngắn hạn	310		3.002.518.673	427.401.818
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.9	3.000.000	15.150.000
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.10	50.000.000	320.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	2.785.479.887	-
4. Phải trả người lao động	314		-	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐXD	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	164.038.786	-
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.8	-	92.251.818
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	1.904.965.000
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.8	-	1.904.965.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS

HL4 - 11, Khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, Hà Nội

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

Mẫu số B 01 - DN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Cuối năm	Đầu năm
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		324.576.605.214	62.711.724.871
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.13	324.576.605.214	62.711.724.871
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		313.010.600.000	63.010.600.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		313.010.600.000	63.010.600.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận chưa phân phối	421		11.566.005.214	(298.875.129)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(298.875.129)	(330.870.013)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		11.864.880.343	31.994.884
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		327.579.123.887	65.044.091.689

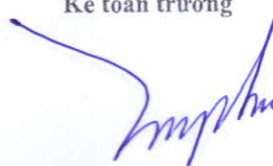
Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2017

Người lập



Nguyễn Thị Hải

Kế toán trưởng



Nguyễn Mạnh Phú



Vũ Cẩm La Hương

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS

HL4 - 11, Khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 02 - DN

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	14.349.170.340	11.057.523.967
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		14.349.170.340	11.057.523.967
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	13.787.010.440	9.768.972.009
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		562.159.900	1.288.551.958
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	15.792.617.612	20.076.426
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	302.907.199	639.249.948
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		26.389.234	426.000.000
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	1.295.488.654	637.383.552
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		14.756.381.659	31.994.884
11. Thu nhập khác	31	VI.5	333.000.000	-
12. Chi phí khác	32	VI.6	333.000.013	-
13. Lợi nhuận khác	40		(13)	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		14.756.381.646	31.994.884
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	2.891.501.303	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		<u>11.864.880.343</u>	<u>31.994.884</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		1.862,8	8,46

Người lập

Nguyễn Thị Hải

Kế toán trưởng

Nguyễn Mạnh Phú

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2017

Đổng giám đốc



Vũ Cẩm La Hương

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 03 - DN

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		80.035.304.365	12.388.775.563
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(83.819.592.641)	(19.872.781.720)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(670.576.083)	(366.000.000)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(19.676.906)	(426.000.000)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(106.270.711)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		22.332.196.349	45.773.339.684
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(22.283.481.000)	(41.441.367.087)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(4.532.096.627)	(3.944.033.560)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(370.000.000)	
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(3.006.150.000)	(1.427.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		3.322.150.000	9.995.770.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(284.000.000.000)	(30.378.970.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		12.032.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		82.165.945	4.931.500
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(271.939.834.055)	(21.805.268.500)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		250.000.000.000	56.010.600.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		46.245.814.135	17.117.312.162
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(48.243.129.381)	(18.915.060.344)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		248.002.684.754	54.212.851.818
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(28.469.245.928)	28.463.549.758
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		30.694.690.503	2.231.140.745
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	VII.34	2.225.444.575	30.694.690.503

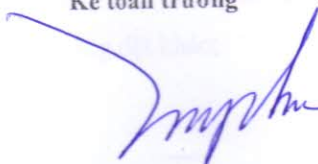
Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2017

Người lập



Nguyễn Thị Hải

Kế toán trưởng



Nguyễn Mạnh Phú



Vũ Cẩm La Hương

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Apex Holdings (tên cũ là Công ty Cổ phần Đầu tư VN Benchmark) là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0105824156 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 19/03/2012, thay đổi lần 6 vào ngày 22/12/2016.

Trụ sở chính của Công ty tại: HL4 - 11, Khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, Hà Nội, Việt Nam.

Văn phòng giao dịch: Tầng 4, tòa tháp A, tòa nhà Sky City, Số 88 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty là 313.010.600.000 VND (Ba trăm mười ba tỷ không trăm mười triệu sáu trăm nghìn đồng).

2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là: Tư vấn quản trị doanh nghiệp, đầu tư tài chính, kinh doanh thương mại.

Các ngành nghề kinh doanh của Công ty như sau:

- Hoạt động tư vấn quản lý (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);
- Đại lý, môi giới, đấu giá
 - **Chi tiết: Đại lý, môi giới (không bao gồm môi giới chứng khoán, bảo hiểm, bất động sản và môi giới hôn nhân có yếu tố nước ngoài);*
- Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu
 - Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán);*
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục
 - Chi tiết: Tư vấn du học;*
- Cho thuê xe có động cơ;
- TỬ VẤN MÁY VI TÍNH VÀ QUẢN TRỊ HỆ THỐNG MÁY VI TÍNH;
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính;
- Bán buôn đồ uống;
- Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Giáo dục văn hóa nghệ thuật;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu
 - Chi tiết: Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại;*
- Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác;
- Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục);
- Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú);
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình
Chi tiết: Bán buôn dụng cụ y tế; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Kinh doanh bất động sản; quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị y tế;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp
Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị, trung tâm thương mại; Bán lẻ khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh
Chi tiết: Bán lẻ thịt và các sản phẩm thịt trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ rau, quả trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ thực phẩm khác trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh
Chi tiết: Bán lẻ dược phẩm, dụng cụ y tế trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Đại lý du lịch;
- Điều hành tua du lịch.

3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường tại đơn vị là 12 tháng.

4. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính: không

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53//2016/TT-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

a) Chứng khoán kinh doanh:

Chứng khoán kinh doanh của Công ty bao gồm: Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán, các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng (+) các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, phí, lệ phí ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm nhà đầu tư có quyền sở hữu, cụ thể: Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0), chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Cuối niên độ kế toán, thực hiện lập sự phòng giảm giá nếu giá thị trường của chứng khoán kinh doanh thấp hơn giá gốc.

Khi thanh lý, nhượng bán chứng khoán kinh doanh, giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền di động.

b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

c) Các khoản cho vay:

Các khoản cho vay được phản ánh theo khế ước cho vay giữa Công ty với các đối tượng vay không được giao dịch mua bán trên thị trường như chứng khoán.

d) Đầu tư vào công ty con:

Khoản đầu tư vào công ty con được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

đ) Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được phản ánh theo phương pháp giá gốc.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

e) Các phương pháp kế toán đối với các giao dịch khác liên quan đến đầu tư tài chính:

Các giao dịch khác liên quan đến đầu tư tài chính được phản ánh theo phương pháp giá gốc.

f) Lập dự phòng đầu tư tài chính

Dự phòng đầu tư tài chính là dự phòng lập theo hướng dẫn tại thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính ban hành và thông tư 89/2014/TT-BTC hướng dẫn bổ sung thông tư số 228/2009/TT-BTC về điều kiện lập dự phòng.

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

a) Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán đến 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản dài hạn.

b) Lập dự phòng phải thu khó đòi

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định, tài sản cố định thuê tài chính, bất động sản đầu tư

a) Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc, được điều chỉnh sửa đổi bổ sung theo quy định tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05-55 năm
- Máy móc, thiết bị	03-08 năm
- Phương tiện vận tải	05-06 năm
- Thiết bị văn phòng	03-05 năm

b) Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định thuê tài chính

c) Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

7. Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh

8. Nguyên tắc kế toán tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

9. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tài chính sau. Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

- Chi phí thuê văn phòng có giá trị lớn.

10. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Số dư các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác và các khoản vay tại thời điểm báo cáo được phân loại và phản ánh trên báo cáo như sau:

- Là khoản nợ ngắn hạn nếu có thời hạn phải thanh toán đến 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh).
- Là khoản nợ dài hạn nếu có thời hạn phải thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh).
- Các khoản phải trả, tiến hành theo dõi chi tiết công nợ theo từng hạng mục công trình chuyên sang theo dõi chi tiết công nợ theo từng đội xây dựng.

11. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Vay được ghi nhận theo số tiền vay mà Công ty nhận được theo hợp đồng vay;

Nợ cho thuê tài chính được ghi nhận theo số tài sản thuê tài chính mà Công ty nhận được tương ứng với số tiền thuê mà Công ty phải trả theo hợp đồng thuê tài chính.

12. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

15. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

- Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, quyền chọn trái phiếu chuyển đổi, vốn khác của chủ sở hữu:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá:

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá đều được phản ánh ngay vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí hoạt động tài chính (nếu lỗ).

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối:

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

c) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

d) Doanh thu hợp đồng xây dựng

e) Thu nhập khác

Là khoản thu được từ các hoạt động khác ngoài các hoạt động đã nêu trên.

17. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

18. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh giá trị vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư, giá thành sản phẩm của sản phẩm xây lắp bán ra trong kỳ.

19. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

20. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

- Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...
- Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các khoản chi phí quản lý chung của Công ty, gồm các chi phí về tiền lương của bộ phận quản lý doanh nghiệp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác.

21. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

22. Công cụ tài chính

a) Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết, không được niêm yết.

b) Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của công ty gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, nợ và vay.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

23. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 được trình bày ở thuyết minh số VIII.4.

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS

HL4 - 11, Khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 09 - DN

V. Thông tin bổ sung cho các khoản trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền mặt (*)

Tiền gửi ngân hàng

- Tiền gửi Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hà Thành

- Tiền gửi Ngân hàng TMCP Ngoại thương - CN Thành Công

- Tiền gửi Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN Thăng Long

- Tài khoản Magin tại MBS

- Tài khoản chứng khoán MA

- Tài khoản online

- Tài khoản giao dịch tiền tại chứng khoán Apec

- Tài khoản tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong (Số TK 88881976010)

- Tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong (Số TK 88881976001)

Các khoản tương đương tiền

Cộng

	Cuối năm	Đầu năm
	171.923.739	967.811.976
	2.053.520.836	29.726.878.527
	5.948.620	4.697.834
	982.198	114.875.211
	2.468	24.468
	519	519
	963.259	519
	6	94.932
	213.881	7.185.563
	2.044.256.658	-
	1.153.227	29.600.000.000
	-	-
	2.225.444.575	30.694.690.503

Đơn vị tính: VND

2. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Cuối năm			Đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng
a) Chứng khoán kinh doanh	-	-	-	21.403.700.000	-	-
- Tổng giá trị cổ phiếu	-	-	-	20.550.000.000	-	-
+ Cổ phiếu CEO	-	-	-	853.700.000	-	-
+ Các khoản đầu tư khác	-	-	-	-	-	-
b) Đầu tư dài hạn khác	-	-	-	-	-	-

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS

HL4 - 11, Khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 09 - DN

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)
- Đầu tư vào Công ty con		-	-	9.700.000.000
+ Công ty CP sản xuất kinh doanh tám bông Hà Nội EVC (1)	284.000.000.000	-	-	9.700.000.000
- Đầu tư vào công ty liên kết	284.000.000.000	-	-	9.700.000.000
+ Công ty CP Anh ngữ Apax (2)	853.700.000	-	-	-
- Đầu tư vào đơn vị khác (3)	360.000.000	-	-	-
+ Công ty CP May Nam Định	125.100.000	-	-	-
+ Công ty CP Xi măng XI8	254.600.000	-	-	-
+ Công ty CP Viễn thông - Tin học Bưu điện	114.000.000	-	-	-
+ Công ty CP Đầu tư Xây lắp Tây Hồ				

(*) Xem tại thuyết minh mục 3.5, phần VIII.3 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính

(1) Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Tám bông Hà Nội - EVC: Vốn điều lệ 18.000.000.000 VND. Năm 2014 công ty đã mua lại 940.000 CP (giá mua là 9.700.000.000 VND), chiếm 52,22% vốn sở hữu của Công ty CP Sản xuất Kinh doanh Tám bông Hà Nội - EVC. Đến tháng 11/2016, Công ty đã bán khoản đầu tư này.

(2) Trong năm, Công ty đã mua 4.000.000 cổ phần của Công ty CP Anh ngữ Apax với giá 71.000 VND/ cổ phiếu, số tiền 284.000.000.000 VND (tương đương 34% vốn điều lệ của Apax).

(3): Các khoản đầu tư khác là khoản đầu tư góp vốn vào bốn (04) Công ty là đơn vị cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước, chi tiết: Công ty Cổ phần May Nam Định: 12.000 cổ phiếu; Công ty Cổ phần Xi măng XI8: 12.510 cổ phiếu; Công ty Cp Viễn thông - Tin học Bưu điện: 12.730 cổ phiếu; Công ty CP Đầu tư Xây lắp Tây Hồ: 10.000 cổ phiếu. Số liệu đầu năm được phân vào chi tiêu Chứng khoán kinh doanh, cuối năm được phân loại lại sang Đầu tư vào đơn vị khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

V. Thông tin bổ sung cho các khoản trình bày trong Bảng cân đối kế toán

Đơn vị tính: VND

3. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

a) Trả trước cho người bán ngắn hạn

Bà Vũ Cẩm La Hương (*)

Các đối tượng khác

Cộng

b) Trả trước cho người bán dài hạn

c) Trả trước cho khách hàng là các bên liên quan

Bà Vũ Cẩm La Hương

	Cuối năm	Đầu năm
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn	40.000.000.000	2.500.000.000
Bà Vũ Cẩm La Hương (*)		
Các đối tượng khác	-	356.922.324
Cộng	40.000.000.000	2.856.922.324
b) Trả trước cho người bán dài hạn		
c) Trả trước cho khách hàng là các bên liên quan	40.000.000.000	2.500.000.000
Bà Vũ Cẩm La Hương		

(*) Theo Hợp đồng mua bán số 01/TTMB/IBC-KL4.11/2016 ngày 21/04/2016 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư VN Benchmark (tên cũ của Apax Holdings) với gia đình ông Trần Thanh Hải và bà Vũ Cẩm La Hương về mua biệt thự 11, đường Hoa Lan 4 (HL4-11), khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, Hà Nội để làm trụ sở và Hợp đồng mua bán số 29-12/2015/HĐMB/VNBC ngày 29/12/2015 với bà Vũ Cẩm La Hương về mua Lô đất biệt thự số N-08 BT.13 tại dự án SUNNY GARDEN CITY Lô đất N1+N3, KĐT Quốc Oai, Hà Nội để phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty. Tính đến ngày 21/11/2016, Công ty đã trả trước cho bà Hương 40.000.000.000 VND (toàn bộ giá trị hai hợp đồng). Tuy nhiên, ngày 23/02/2017, hai bên đã thống nhất thanh lý các hợp đồng trên và ông Trần Thanh Hải đã chuyển trả lại Công ty toàn bộ số tiền 40.000.000.000 VND (Bốn mươi tỷ đồng).

4. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

- Tổng Thị Minh Tâm

Cộng

Cuối năm		Đầu năm	
Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
-	-	316.000.000	-
-	-	316.000.000	-

5. PHẢI THU KHÁC

a) Ngắn hạn

- Phải thu khác

- Tạm ứng

b) Dài hạn

Cộng

Cuối năm		Đầu năm	
Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
466.751.667	-	67.200.000	-
393.751.667	-	67.200.000	-
73.000.000	-	-	-
466.751.667		67.200.000	

6. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

a) Ngắn hạn

b) Dài hạn

- Chi phí Công cụ dụng cụ xuất dùng

Cộng

	Cuối năm	Đầu năm
a) Ngắn hạn	-	-
b) Dài hạn	33.227.645	-
- Chi phí Công cụ dụng cụ xuất dùng	33.227.645	-
Cộng	33.227.645	-

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS
HL4 - 11, Khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 09 - DN

7. TẶNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
I. Nguyên giá						
Số dư đầu năm	-	-	370.000.000	-	-	370.000.000
Tăng trong năm	-	-	370.000.000	-	-	370.000.000
- <i>Mua trong năm</i>	-	-	370.000.000	-	-	370.000.000
Giảm trong năm	-	-	370.000.000	-	-	370.000.000
- <i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	-	370.000.000	-	-	370.000.000
Số dư cuối năm	-	-	-	-	-	-
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	-	-	36.999.996	-	-	36.999.996
Tăng trong năm	-	-	36.999.996	-	-	36.999.996
- <i>Số khấu hao trong năm</i>	-	-	36.999.996	-	-	36.999.996
Giảm trong năm	-	-	36.999.996	-	-	36.999.996
- <i>Thanh lý, nhượng bán</i>	-	-	36.999.996	-	-	36.999.996
Số dư cuối năm	-	-	-	-	-	-
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày đầu năm	-	-	-	-	-	-
2. Tại ngày cuối năm	-	-	-	-	-	-

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS

HL4 - 11, Khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 09 - DN

8 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

Đơn vị : VND

	Cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay ngắn hạn	-	-	46.245.912.563	46.338.164.381	92.251.818	92.251.818
Công ty CP Chứng khoán APEC	-	-	160.571.677	174.881.706	14.310.029	14.310.029
Công ty CP chứng khoán Maritime bank	-	-	35.085.340.886	35.163.282.675	77.941.789	77.941.789
Công ty CP Tập đoàn Giáo dục Egroup (1)	-	-	10.000.000.000	10.000.000.000	-	-
Bà Vũ Cẩm La Hương (2)	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000	-	-
b) Vay dài hạn	-	-	-	1.904.965.000	1.904.965.000	1.904.965.000
Bà Vũ Thị Mỹ Hạnh	-	-	-	244.965.000	244.965.000	244.965.000
Bà Vũ Cẩm La Hương	-	-	-	1.660.000.000	1.660.000.000	1.660.000.000
Cộng	-	-	46.245.912.563	48.243.129.381	1.997.216.818	1.997.216.818

(1) là khoản vay Công ty CP Tập đoàn Giáo dục Egroup theo Hợp đồng vay vốn số 1812/HĐVV/EGROUP-IBC/2016 ngày 18/12/2016, số tiền 10.000.000.000 VND (Mười tỷ đồng), thời hạn vay 07 ngày từ ngày 19/12/2016 đến ngày 26/12/2016, với lãi suất 3,5%/365 ngày, tương đương 6.712.328 VND.

(2) là các khoản vay bà Vũ Cẩm La Hương theo Hợp đồng vay vốn số 01/HĐVV/HUONG-IBCI/2016 ngày 18/01/2016, số tiền 200.000.000 VND, thời hạn vay không quá 12 tháng, lãi suất 0% và Hợp đồng vay số 02/HĐVV/HUONG-IBCI/2016 ngày 20/09/2016, số tiền 800.000.000 VND, thời hạn vay không quá 12 tháng, lãi suất 0%.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

9 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Cuối năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	3.000.000	-	15.150.000	15.150.000
- Công ty CP Du lịch TMĐT TRACOTOUR	-	-	15.150.000	15.150.000
- Công ty TNHH PKF Việt Nam	3.000.000	-	-	-
Cộng	3.000.000	-	15.150.000	15.150.000
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
c) Phải trả người bán là các bên liên quan	-	-	-	-

10 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Cuối năm	Đầu năm
- Công ty Cổ phần Nhựa Tân Phú	-	320.000.000
- Công ty Cổ phần Hồng Hạc Đại Lải	50.000.000	-
Cộng	50.000.000	320.000.000

11 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Cuối năm
a) Phải nộp				
- Thuế GTGT	-	1.468.217.034	1.467.967.739	249.295
- Thuế TNDN	-	2.891.501.303	106.270.711	2.785.230.592
- Các loại thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-

b) Phải thu

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

12 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	Cuối năm	Đầu năm
a) Ngắn hạn	164.038.786	-
- Lãi vay phải trả Egroup	6.712.328	-
- Phải trả, phải nộp khác	157.326.458	-
Cộng	164.038.786	-
b) Dài hạn	-	-
c) Phải trả khác là các bên liên quan		
Công ty CP Tập đoàn Giáo dục Egroup	6.712.328	-

13 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Vốn khác của chủ sở hữu	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	4.000.000.000	-	(330.870.013)	3.000.000.000	6.669.129.987
Tăng vốn năm trước	56.010.600.000				56.010.600.000
Lãi trong năm trước			31.994.884		31.994.884
Tăng khác	3.000.000.000				3.000.000.000
Giảm khác				3.000.000.000	3.000.000.000
Số dư đầu năm nay	63.010.600.000	-	(298.875.129)	-	62.711.724.871
Tăng vốn trong năm	250.000.000.000				250.000.000.000
Lãi trong năm			11.864.880.343		11.864.880.343
Tăng khác					-
Giảm khác					-
Số dư cuối năm	313.010.600.000	-	11.566.005.214	-	324.576.605.214

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

	Tỷ lệ vốn góp	Cuối năm	Đầu năm
b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu			
- Công ty CP Tập đoàn Giáo dục Egroup	79,9%	250.000.000.000	-
- Vốn góp của các đối tượng khác	20,1%	63.010.600.000	63.010.600.000
Cộng	100%	313.010.600.000	63.010.600.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	63.010.600.000	4.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	250.000.000.000	59.010.600.000
- Vốn góp cuối năm	313.010.600.000	63.010.600.000

d) Cổ phiếu	Cuối năm	Đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	31.301.060	6.301.060
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	31.301.060	6.301.060
- Cổ phiếu phổ thông	31.301.060	6.301.060
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	31.301.060	6.301.060
- Cổ phiếu phổ thông	31.301.060	6.301.060
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000 đồng	10.000 đồng
* Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm	6.369.366	3.781.229
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.862,8	8,46

đ) Cổ tức

e) Các quỹ của doanh nghiệp

g) Thu nhập và chi phí, lãi hoặc lỗ được ghi nhận trực tiếp vào Vốn chủ sở hữu theo quy định của các chuẩn mực kế toán cụ thể.

VI . Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả kinh doanh

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
1 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ		
- Doanh thu bán hàng hóa	14.349.170.340	11.057.523.967
Cộng	14.349.170.340	11.057.523.967
2 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN		
- Giá vốn hàng hóa	13.787.010.440	9.768.972.009
Cộng	13.787.010.440	9.768.972.009
3 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
Lãi tiền gửi, cho vay	44.972.612	6.636.426
Lãi bán các khoản đầu tư	15.583.000.000	-
Lãi từ hợp đồng hợp tác đầu tư	100.000.000	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	64.645.000	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	13.440.000
Cộng	15.792.617.612	20.076.426

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

	Năm nay	Năm trước
4 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH		
Lãi tiền vay	26.389.234	426.000.000
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	98.874.000	-
Chi phí tài chính khác	177.643.965	213.249.948
Cộng	302.907.199	639.249.948
5 . THU NHẬP KHÁC		
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	333.000.000	-
Cộng	333.000.000	-
6 . CHI PHÍ KHÁC		
- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ	333.000.004	-
- Các khoản khác	9	-
Cộng	333.000.013	-
7 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP		
Chi phí nhân công	600.910.583	366.000.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	36.999.996	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	447.986.171	90.000.000
Chi phí bằng tiền khác	209.591.904	181.383.552
Cộng	1.295.488.654	637.383.552
8 . CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ		
Chi phí nhân công	600.910.583	366.000.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	36.999.996	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	432.583.237	90.000.000
Chi phí bằng tiền khác	208.658.305	181.383.552
Cộng	1.279.152.121	637.383.552
9 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	14.756.381.646	31.994.884
- Các khoản điều chỉnh tăng lợi nhuận kế toán trước thuế	-	-
Số lỗ được chuyển từ năm trước	298.875.129	31.994.884
Tổng thu nhập tính thuế	14.457.506.517	-
Thuế suất thuế TNDN	20%	-
Thuế TNDN hiện hành	2.891.501.303	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	11.864.880.343	31.994.884

VII . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

VIII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1 . Các sự kiện quan trọng trong năm và những thông tin tài chính khác

a) Tăng vốn trong năm

Tháng 12/2016, Công ty có thực hiện phát hành cổ phiếu cho cổ đông chiến lược là Công ty CP Tập đoàn Giáo dục Egroup

Mã chứng khoán: IBC

Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông

Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu phát hành: 25.000.000 cổ phiếu

Số tiền thu được: 250.000.000.000 VND (Hai trăm năm mươi tỷ đồng)

Mục đích sử dụng vốn phát hành: Để mua cổ phiếu của Công ty CP Anh ngữ Apax

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

b) Sử dụng vốn trong năm

Công ty đã sử dụng số vốn thu được từ phát hành cổ phiếu và số vốn đã có của Công ty để mua 4.000.000 cổ phiếu của Công ty CP Anh ngữ Apax với số tiền 284.000.000.000 VND (Hai trăm tám mươi tư tỷ đồng), tương đương 71.000 VND/cổ phiếu. Theo Chứng thư thẩm định giá số 16P01TD0808 ngày 03/12/2016 về việc Xác định giá trị doanh nghiệp Công ty CP Anh ngữ Apax của Công ty CP Thẩm định giá và Đầu tư tài chính Bưu Điện (PTFV), tại thời điểm tháng 11/2016, giá trị doanh nghiệp Công ty CP Anh ngữ Apax là: 851.361.000.000 đồng, giá trị 1 cổ phần: 72.088 VND/cổ phần.

2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Ngày 23/02/2017, ông Trần Thanh Hải (chồng bà Vũ Cẩm La Hương) đã chuyển trả lại số tiền 40.000.000.000 VND (Bốn mươi tỷ đồng) mà Công ty đã ứng trước để mua tài sản theo Hợp đồng mua bán số 01/TTMB/IBC-KL4.11/2016 ngày 21/04/2016 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư VN Benchmark (tên cũ của Apax Holdings) với gia đình ông Trần Thanh Hải và bà Vũ Cẩm La Hương về mua biệt thự 11, đường Hoa Lan 4 (HL4-11), khu đô thị sinh thái Vinhomes Riversides, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, Hà Nội và Hợp đồng mua bán số 29-12/2015/HĐMB/VNBC ngày 29/12/2015 với bà Vũ Cẩm La Hương về mua Lô đất biệt thự số N-08 BT.13 tại dự án SUNNY GARDEN CITY Lô đất N1+N3, KĐT Quốc Oai, Hà Nội. Cùng ngày, hai bên cũng đã tiến hành thanh lý các hợp đồng và phụ lục hợp đồng liên quan nêu trên.

3. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

3.1 Tổng quan

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- Rủi ro tài chính
- Rủi ro thanh toán
- Rủi ro thị trường

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Khung quản lý rủi ro

Ban Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Công ty thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo quản lý nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của mình.

3.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà đối tác sẽ không thực hiện các nghĩa vụ của mình theo quy định của một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Ảnh hưởng của rủi ro tài chính

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng	2.053.520.836	29.726.878.527
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn khác	284.853.700.000	31.103.700.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	466.751.667	67.200.000

3.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ tài chính do tình trạng thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty phát sinh chủ yếu do không tương xứng trong các kỳ hạn của tài sản tài chính và các khoản phải trả tài chính.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản bằng việc duy trì tỷ lệ tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để hỗ trợ tài chính cho các hoạt động kinh doanh của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những thay đổi các luồng tiền.

Thông tin thời hạn đáo hạn của nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các giá trị thanh toán chưa chiết khấu theo hợp đồng như sau:

	Từ 1 năm trở xuống (VND)	Từ 1 trở lên (VND)	Cộng
Số đầu năm			
Các khoản vay	92.251.818	1.904.965.000	1.997.216.818
Phải trả người bán	15.150.000	-	15.150.000
Chi phí phải trả	-	-	-
Phải trả khác	-	-	-
Cuối năm			
Các khoản vay	-	-	-
Phải trả người bán	3.000.000	-	3.000.000
Chi phí phải trả	-	-	-
Phải trả khác	164.038.786	-	164.038.786

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

3.4 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 03 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi

suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi lãi suất và tỷ giá hối đoái.

CÔNG TY CP ĐẦU TƯ APAX HOLDINGS

HL4 - 11, Khu đô thị sinh thái Vinhomes Riverside, phường Phúc Lợi, quận Long Biên, Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 09 - DN

3.5 Giá trị hợp lý**- So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ**

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán, như sau:

	Đơn vị tính: VND			
	Cuối năm	Đầu năm		
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
	2.225.444.575	2.225.444.575	30.694.690.503	30.694.690.503
	466.751.667	(*)	67.200.000	(*)
	284.853.700.000	(*)	9.700.000.000	(*)
		(*)		
		(*)	21.403.700.000	21.403.700.000
			20.550.000.000	20.550.000.000
		(*)	853.700.000	853.700.000
			(92.251.818)	(92.251.818)
	(167.038.786)	(167.038.786)	(15.150.000)	(15.150.000)
			(1.904.965.000)	(1.904.965.000)
	287.378.857.456	(*)	81.256.923.685	(*)

Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:

- Tiền và các khoản tương đương tiền
- Phải thu khách hàng và phải thu khác
- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn khác

Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán:

- Các khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu
- Các khoản đầu tư tài chính khác
- + Các khoản đầu tư tài chính vào cổ phiếu đang niêm yết trên thị trường chứng khoán
- + Các khoản đầu tư tài chính vào cổ phiếu chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán

Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:

- Vay ngắn hạn
- Phải trả người bán và phải trả khác
- Vay dài hạn

(*) Liên quan đến việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này để thuyết minh theo quy định tại Điều 28 Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính, bởi vì không có giá trị niêm yết trên thị trường cho các tài sản và nợ phải trả tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, hệ thống Kế toán Việt Nam không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá trị niêm yết trên thị trường, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này cho mục đích thuyết minh. Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

- Cơ sở xác định giá trị hợp lý*Nợ phải trả tài chính phi phái sinh ngắn hạn*

Giá trị hợp lý của nợ phải trả tài chính phi phái sinh ngắn hạn xấp xỉ giá trị ghi sổ do tính chất ngắn hạn của các công cụ tài chính này. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

4. Thông tin về các bên liên quan

a) Các bên liên quan

Công ty CP Tập đoàn Giáo dục Egroup
 Công ty CP Anh ngữ Apax
 Bà Vũ Cẩm La Hương
 Bà Vũ Thị Mỹ Hạnh
 Ông Vũ Đông Hải

Mối quan hệ

Công ty mẹ
 Công ty liên kết
 Tổng giám đốc
 Em gái bà Vũ Cẩm La Hương
 Em trai bà Vũ Cẩm La Hương

Giao dịch với các bên liên quan

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm 2016 bao gồm:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Giao dịch	Giá trị giao dịch
	Egroup mua 25 triệu cổ phiếu IBC	250.000.000.000
Công ty CP Tập đoàn Giáo dục Egroup	Vay vốn	10.000.000.000
	Trả tiền vay vốn	10.000.000.000
Công ty CP Anh ngữ Apax English	Mua 4 triệu cổ phần	284.000.000.000
	Công ty vay tiền của Bà Hương	1.000.000.000
Bà Vũ Cẩm La Hương	Công ty trả tiền vay cho Bà Hương	2.660.000.000
	Ứng trước tiền mua nhà cho Bà Hương	40.000.000.000
	Tạm ứng cho Bà Hương	200.500.000
	Hoàn ứng	200.500.000
Ông Vũ Đông Hải	Công ty chuyển tiền HTĐT theo Hợp đồng HTDT số 01/2016/HĐHTĐT/VNBC-VDH	2.900.000.000
	Công ty nhận lại tiền HTĐT từ ông Hải	2.900.000.000
Bà Vũ Thị Mỹ Hạnh	Thu lãi từ hợp đồng HTĐT	100.000.000
	Công ty trả nợ vay Bà Hạnh	244.965.000

b) Thủ lao chi trả trong năm cho các thành viên trong Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc trong năm 2016

Họ và tên	Chức vụ	Năm nay WND
Ông Nguyễn Ngọc Thủy	Chủ tịch HĐQT	-
Bà Vũ Cẩm La Hương	Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc	71.235.000
Ông Trần Thanh Hải	Thành viên HĐQT, Phó TGD	102.700.000
Tổng cộng		173.935.000

5. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty đã được Công ty TNHH PKF Việt Nam kiểm toán.

6. Thông tin về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

7. Những thông tin khác

Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong kỳ Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Người lập

Nguyễn Thị Hải

Kế toán trưởng

Nguyễn Mạnh Phú

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2017

Tổng Giám đốc

Vũ Cẩm La Hương